

Số: 78/2026/QĐST-DS

Gia Lai, ngày 21 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 11/9/2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 45/2025/TLST-DS ngày 12/6/2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị O, sinh năm 1977; CCCD số: 064177004430, cấp ngày 20/8/2022; địa chỉ: Thôn A, xã C, tỉnh Gia Lai.

* *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*: Chị Đặng Trần Diệu H, sinh năm 1986; Căn cước số: 064186003794, cấp ngày 24/9/2024; địa chỉ: I, Tổ F, Khu phố A, phường T, tỉnh Đồng Nai (theo Giấy ủy quyền ngày 12/6/2025).

- *Bị đơn*:

+ Bà Lê Thị H1, sinh năm 1975; CCCD số: 052175006240, cấp ngày 19/8/2022; địa chỉ: Thôn A, xã C, tỉnh Gia Lai.

+ Chị Huỳnh Thị Lê H2, sinh năm 1995; CCCD số: 052195009838, cấp ngày 10/5/2021; địa chỉ: Tổ C A (nay là Tổ A), phường A, tỉnh Gia Lai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà Phạm Thị N, sinh năm 1972; CCCD số: 064172001047, cấp ngày 16/4/2021; địa chỉ: D H, phường A, tỉnh Gia Lai.

* *Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị N*: Chị Lê Thị Hồng T, sinh năm 2000; CCCD số: 064300006469, cấp ngày 02/6/2025; địa chỉ: D H, phường A, tỉnh Gia Lai (theo Giấy ủy quyền ngày 27/10/2025).

+ Chị Lê Thị Hồng P, sinh năm 1994; CCCD số: 064194011917, cấp ngày 28/6/2021; địa chỉ: D H, phường A, tỉnh Gia Lai.

+ Chị Lê Thị Hồng D, sinh năm 1997; CCCD số: 064197014114, ngày 21/9/2022; địa chỉ: D H, phường A, tỉnh Gia Lai.

* *Người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị Hồng D:* Chị Lê Thị Hồng T, sinh năm 2000; CCCD số: 064300006469, cấp ngày 02/6/2025; địa chỉ: D H, phường A, tỉnh Gia Lai (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 10/9/2026).

+ Chị Lê Thị Hồng T, sinh năm 2000; CCCD số: 064300006469, cấp ngày 02/6/2025; địa chỉ: D H, phường A, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về di sản của cụ Lê N1 và cụ Tô Thị G đã chết để lại không có di chúc gồm các thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 152342 do Ủy ban nhân dân huyện A (cũ) cấp ngày 20/12/1999 mang tên ông Lê N1 tại Thôn A và A, xã S (nay là xã C), tỉnh Gia Lai.

* Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản lập ngày 29/10/2025 và ngày 05/8/2026 thì giá trị di sản cụ thể như sau:

1. Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 31, địa chỉ: Thôn A, xã C, tỉnh Gia Lai, diện tích 7.172m^2 , đất trồng cây hằng năm khác, giá trị $7.172\text{m}^2 \times 32.000\text{đ}/\text{m}^2 = 229.504.000$ đồng.

2. Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 182 (23 cũ), địa chỉ: Thôn A, xã C, tỉnh Gia Lai, diện tích 576m^2 , đất trồng cây hằng năm khác, giá trị $576\text{m}^2 \times 40.000\text{đ}/\text{m}^2 = 23.040.000$ đồng.

3. Thửa đất số 79, tờ bản đồ số 180 (22 cũ), địa chỉ: Thôn A, xã C, tỉnh Gia Lai, diện tích 390m^2 đất trồng cây hằng năm khác, giá trị $390\text{m}^2 \times 45.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 17.550.000$ đồng.

4. Thửa đất số 157, tờ bản đồ số 180 (22 cũ), địa chỉ: Thôn A, xã C, tỉnh Gia Lai, diện tích 1.325m^2 đất trồng cây hằng năm khác, giá trị $1.325\text{m}^2 \times 45.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 59.625.000$ đồng.

5. Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 193 (30 cũ), địa chỉ: Thôn A, xã C, tỉnh Gia Lai, diện tích 528m^2 đất trồng lúa, giá trị $528\text{m}^2 \times 43.000 \text{ đồng}/\text{m}^2 = 22.704.000$ đồng.

6. Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 193 (30 cũ), địa chỉ: Thôn A, xã C, tỉnh Gia Lai, diện tích $448,4\text{m}^2$ đất trồng lúa, giá trị $448,4\text{m}^2 \times 43.000 \text{ đồng}/\text{m}^2 = 19.281.200$ đồng.

7. Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 193 (30 cũ), địa chỉ: Thôn A, xã C, tỉnh Gia Lai, diện tích 120m^2 đất trồng lúa, giá trị $120\text{m}^2 \times 43.000 \text{ đồng}/\text{m}^2 = 5.160.000$ đồng.

8. Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 193 (30 cũ), địa chỉ: Thôn A, xã C, tỉnh Gia Lai, diện tích 464m^2 đất trồng lúa, giá trị $464\text{m}^2 \times 43.000 \text{ đồng}/\text{m}^2 = 19.952.000$ đồng.

Tổng giá trị di sản là: 406.091.200 đồng (*Bốn trăm lẻ sáu triệu không trăm chín mươi một ngàn hai trăm đồng*).

* Về phân chia di sản thừa kế: Các đương sự thống nhất chia di sản thừa kế cho bà Lê Thị O và chị Lê Thị Hồng T được hưởng, cụ thể như sau:

- Giao cho bà Lê Thị O được quyền sử dụng diện tích 5.000m^2 thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 31 và các thửa đất số 56, tờ bản đồ số 182 (23 cũ); thửa đất số 79, tờ bản đồ số 180 (22 cũ); thửa đất số 157, tờ bản đồ số 180 (22 cũ); thửa đất số 42, tờ bản đồ số 193 (30 cũ); thửa đất số 43, tờ bản đồ số 193 (30 cũ); thửa

đất số 44, tờ bản đồ số 193 (30 cũ), có sơ đồ kèm theo. Tổng giá trị là 313.883.200 đồng. Bà Lê Thị O được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký, kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

- Giao cho chị Lê Thị Hồng T được quyền sử dụng diện tích 2.172m² thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 31 và thửa đất số 33, tờ bản đồ số 193 (30 cũ), có sơ đồ kèm theo. Tổng giá trị là 92.208.000 đồng. Chị Lê Thị Hồng T được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký, kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

* Về chi phí tố tụng: Bà Lê Thị O tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền là 4.550.000 đồng. Bà O đã nộp đủ số tiền 4.550.000 đồng. Chị Lê Thị Hồng T tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền là 5.000.000 đồng và đã nộp đủ số tiền 5.000.000 đồng.

* Về án phí: Bà Lê Thị O tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản được chia như sau: 313.883.200 đồng x 5% x 50% = 7.847.080 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.250.000 đồng theo biên lai số 006590 ngày 12/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Khê (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 - Gia Lai); bà O còn phải nộp số tiền 6.597.080 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị Lê Thị Hồng T tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản được chia như sau: 92.208.000 đồng x 5% x 50% = 2.305.200 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.570.000 đồng theo biên lai số 0004629 ngày 08/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai; chị T còn phải nộp số tiền 735.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 13-Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 13-Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đồng Ánh Đông